

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-ST
Ngày 08-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH PHÚ THỌ

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng M.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Quý;

Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lý Văn L** (tên gọi khác: S); sinh ngày: 17/3/1965; tại: huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 05/10.

Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Lý Văn S (Đã chết) và bà: Đặng Thị N (Đã chết);

Vợ: Đặng Thị H, sinh năm 1969; Con: 03 con (Lớn sinh năm 1985; Nhỏ sinh năm 1990).

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2014/HSST ngày 18/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã xử phạt Lý Văn L 7.000.000đ (bảy triệu đồng) về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự. Đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án tích.

Bị cáo đang chấp hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt)

2. Họ và tên: Bàn Văn M (tên gọi khác: không); sinh ngày: 20/3/1974; tại huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 0/12.

Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Bàn Văn D (Đã chết) và bà: Đặng Thị G, sinh năm 1937;

Vợ: Đặng Thị T, sinh năm 1971; Con: 03 con (Lớn sinh năm 1993; Nhỏ sinh năm 1999).

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2014/HSST ngày 18/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã xử phạt Bàn Văn M 5.000.000đ (năm triệu đồng) về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự. Đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án tích.

Bị cáo đang chấp hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt)

3. Họ và tên: Đặng Văn C (tên gọi khác: không); sinh ngày: 12/8/1987; tại huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12

Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Đặng Văn K, sinh năm 1964 và bà: Bàn Thị S, sinh năm 1962;

Vợ: Bàn Thị N, sinh năm 1997, Con: 01 con (Sinh năm 2006).

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không

Bị cáo đang chấp hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt)

4. Họ và tên: Đặng Văn H (tên gọi khác: L); sinh ngày: 01/6/1979; tại huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu S, xã M, huyện P, tỉnh Sơn La.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 04/12;

Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Đặng Văn V, sinh năm 1965 và bà: Lý Thị N, sinh năm 1964;

Vợ: Bàn Thị X sinh năm 1979; Con: 02 con (Lớn sinh năm 2008; Nhỏ sinh năm 2013).

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không

Bị cáo đang chấp hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt)

5. Họ và tên: Hoàng Văn N. (tên gọi khác: C); sinh ngày: 01/12/1982; tại huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu Đ, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12;

Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Hà Văn G (Đã chết) và bà: Hoàng Thị C (Đã chết);

Vợ: Hà Thị L, sinh năm 1984; Con: 03 con (Lớn sinh năm 2003; Nhỏ sinh năm 2008).

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không

Bị cáo đang chấp hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt)

6. Họ và tên: Triệu Văn T (tên gọi khác: không); sinh ngày: 05/8/1991; tại huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12.

Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông: Triệu Văn Đ, sinh năm 1964 và bà: Bàn Thị L, sinh năm 1966;
Vợ: Lý Thị V, sinh năm 1994; Con: 02 con (Lớn sinh năm 2014; Nhỏ sinh năm 2017).

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không
Bị cáo đang chấp hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt)

7. Họ và tên: Đặng Văn Th (tên gọi khác: P); sinh ngày: 16/7/1990; tại huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12.

Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông: Đặng Văn Ô, sinh năm 1967 và bà: Đặng Thị L, sinh năm 1967;
Vợ: Đặng Thị B, sinh năm 1993; Con: 01 con sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không
Bị cáo đang chấp hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Bàn Văn NLQ1, sinh năm 1981; (Có mặt)

Nơi cư trú: khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Bàn Văn NLQ2, sinh năm 1962; (Có mặt)

Nơi cư trú: khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các Bị cáo:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 24/12/2017, Đặng Văn C, Hoàng Văn N, Đặng Văn Th, NLQ1, Triệu Văn T, Bàn Văn M và Đặng Văn H đến nhà Lý Văn L ở khu D, xã T,

huyện T, tỉnh Phú Thọ chơi. Tại đây L cùng C, N, Th, NLQ1 và H rủ nhau cùng đánh bạc dưới hình thức chơi “Xóc đĩa”, được thua bằng tiền. Hoàng Văn N lấy que đóm cắt thành “04 quân Vị” một mặt màu đen, một mặt màu trắng. Lý Văn L xuống bếp nhà mình lấy 01 bát con, 01 đĩa con bằng sứ màu trắng. Lúc này, Đặng Văn H do không có tiền đã sử dụng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26D1 - 169.78 của mình cầm cố cho Triệu Văn T vay số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc. Hoàng Văn N không có tiền nên dùng chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO của mình cầm cố cho Triệu Văn T vay số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc. Sau đó, L cùng C, N, Th, NLQ1 và H đi lên vị trí bể nước sạch của khu dân cư để đánh bạc. Triệu Văn T, Bàn Văn M, đi cùng, mục đích để xem ai có nhu cầu thì cho vay tiền có cầm cố tài sản để thu tiền lãi.

Trước khi chơi các đối tượng cùng nhau thống nhất về phương thức chơi đánh bạc và tỷ lệ được thua như sau: Sử dụng 04 quân vị hình chữ nhật, một mặt màu trắng, một mặt màu đen để trong chiếc đĩa và dùng chiếc bát úp lên. Khi chơi người cầm cái sẽ dùng tay giữ chặt chiếc đĩa và chiếc bát bên trong có 04 quân vị và xóc đi xóc lại rồi để xuống chiếu bạc để cho mọi người chơi tự chọn cửa chẵn hoặc cửa lẻ (cửa chẵn tức là khi mở bát, trên đĩa có 02 hoặc 04 quân đều cùng có mặt màu trắng hoặc màu đen; cửa lẻ là khi mở bát, trên đĩa có 01 trong số 04 quân có một mặt màu trắng hoặc màu đen khác với các quân còn lại) và đặt tiền. Ai chọn cửa chẵn thì đặt tiền bên tay phải người cầm cái, ai chọn cửa lẻ thì đặt tiền bên tay trái người cầm cái. Khi chơi người chọn cửa lẻ hoặc cửa chẵn phải bỏ ra một số tiền nhất định (không quy định tối thiểu và tối đa) vào cửa mà người chơi đã chọn trước khi mở đĩa, nếu khi mở đĩa về đúng cửa lẻ hoặc cửa chẵn mà người chơi đã chọn thì người chơi thắng, được lấy lại số tiền đã bỏ ra và được người cầm cái trả số tiền đúng bằng số tiền người chơi đã bỏ ra trước đó; ngược lại nếu khi mở đĩa về cửa lẻ hoặc cửa chẵn không đúng với cửa mà người chơi đã chọn thì người cầm cái sẽ được số tiền người chơi đã bỏ ra.

Khi tham gia đánh bạc, L có 60.000 đồng, C có 210.000 đồng, N có 1.000.000 đồng, Th có 340.000 đồng, NLQ1 có 200.000 đồng, H có 3.000.000 đồng là tiền để đánh bạc. Đặng Văn Th là người cầm cái. 06 đối tượng đánh bạc được một lúc thì NLQ1 thua hết tiền nên nghỉ đứng dậy ra về trước, còn lại 05 đối tượng tiếp tục chơi. Một lúc sau có NLQ2 đến tham gia đánh bạc, NLQ2 có mang theo 100.000 đồng, NLQ2 đặt cửa 02 lần mỗi lần 50.000 đồng đều thua nên không chơi nữa mà đứng ngoài xem một lúc sau thì đi về; còn lại L, C, N, Th và H tiếp tục đánh bạc. Đến thời điểm này, tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là: 4.910.000 đồng.

Sau đó, Đặng Văn Th thua hết tiền nên cầm cố chiếc xe Mô tô biển kiểm soát: 19D1 -134.48 của mình cho Bàn Văn M vay 3.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc. Hoàng Văn N đánh bạc thua hết tiền nên cầm cố chiếc xe Mô tô biển kiểm soát 29V9 - 1589 của mình cho Triệu Văn T vay số tiền 2.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc. Đặng Văn H thua hết số tiền nên đã vay tiếp 2.000.000 đồng của Triệu Văn T tính vào tiền đặt cọc chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26D1 - 169.78. Sau đó Đặng Văn H thắng bạc nên đã

chuộc lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26D1 - 169.78 của mình từ Triệu Văn T với số tiền 5.250.000 đồng. Trong đó 5.000.000 đồng là tiền gốc, 250.000 đồng là tiền lãi. Lúc này Lý Văn L đánh bạc thua hết tiền đã mượn xe mô tô biển kiểm soát 26D1 - 169.78 của Đặng Văn H rồi cầm cố cho Triệu Văn T vay 5.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc. T đưa cho L 5.000.000đ mà H vừa trả cho T.

Chơi một lúc sau Đặng Văn Th cũng đánh thắng bạc, Th chuộc lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19D1 -134.48 của mình từ Bàn Văn M với số tiền 3.030.000 đồng. Trong đó 3.000.000 đồng là tiền gốc, 30.000 đồng là tiền lãi. Còn Đặng Văn C đánh bạc thua hết tiền có cầm cố cho Đặng Văn Th 01 điện thoại Nokia loại LUMIA của mình vay 1.000.000 đồng tiếp tục đánh bạc. Đến thời điểm này tổng số tiền các đối tượng dùng vào đánh bạc là: 11.910.000 đồng.

Một lúc sau Hoàng Văn N thua hết tiền nên nghỉ đứng dậy, N cùng Bàn Văn M đi về nhà trước. Bàn Văn M đi về cầm theo 3.030.000 đồng, còn Đặng Văn Th, Đặng Văn C, Lý Văn L, Đặng Văn H tiếp tục đánh bạc, Triệu Văn T đứng ngoài xem. Các đối tượng cùng nhau đánh bạc đến khoảng 01 giờ 50 phút ngày 25/12/2017 thì bị Tổ công tác - Công an huyện T phát hiện kiểm tra bắt giữ được Đặng Văn H và Đặng Văn C và tiến hành lập biên bản vụ việc, thu giữ tại chỗ đánh bạc số tiền 2.980.000 đồng, 01 bát, 01 đĩa bằng sứ, 03 trong tổng số 04 quân vị làm bằng bương một mặt màu đen, một mặt màu trắng, 01 quân vị không tìm thấy do khi các đối tượng bỏ chạy đã làm rơi mất không thu giữ được.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xác minh thu giữ được tổng số tiền thực tế các Bị cáo đã, đang sử dụng vào việc đánh bạc là: 10.060.000 đồng (gồm tiền thu tại chiếu bạc 2.980.000 đồng, thu của Triệu Văn T khi bỏ chạy mang theo 250.000 đồng, thu của Đặng Văn Th khi bỏ chạy mang theo 3.800.000 đồng, thu của Bàn Văn M khi về mang theo 3.030.000 đồng); Các tài sản được dùng để cầm cố cho nhau để vay tiền đánh bạc là: Bị cáo Th giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại LUMIA (do Đặng Văn C cầm cố cho Th vay 1.000.000đ); Bị cáo T giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO (do N cầm cố cho T vay 1.000.000đ), 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29V9 - 1589 (do Hoàng Văn N cầm cố cho T vay 2.000.000đ), 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26D1 - 169.78 (của Bị cáo H đã cho L mượn để cầm cố cho T để vay T 5.000.000đ); 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19D1 -134.48 (của Đặng Văn Th đã dùng để cầm cố vay M 3.000.000đ để đánh bạc).

2. Các vấn đề khác:

Ngày 15/01/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã quyết định khởi tố vụ án hình sự số 10, khởi tố bị can số 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25 và lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với: Lý Văn L, Đặng Văn C, Hoàng Văn N, Đặng Văn Th, Triệu Văn T,

Bàn Văn M và Đặng Văn H về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với NLQ1 và NLQ2 đã tham gia đánh bạc ngày 25/12/2017 tại xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, tại thời điểm NLQ1 và NLQ2 tham gia đánh bạc, tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 4.910.000 đồng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ cho Công an huyện T ra Quyết định xử phạt hành chính đối với NLQ1 và NLQ2.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 12/CT-VKSTS ngày 11/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các Bị cáo: Lý Văn L, Bàn Văn M, Hoàng Văn N, Hoàng Văn C, Đặng Văn Th, Đặng Văn H, Triệu Văn T về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248, khoản 1, 2 Điều 31 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Bị cáo Lý Văn L (tên gọi khác: S) và Bị cáo Bàn Văn M từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 248, khoản 1, 2 Điều 31 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt các Bị cáo: Triệu Văn T, Đặng Văn C, Đặng Văn H (tên gọi khác: L), Hoàng Văn N (tên gọi khác: C), Đặng Văn Th (tên gọi khác: P) mỗi Bị cáo từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ và UBND xã M, huyện P, tỉnh Sơn La nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án.

Giao các Bị cáo Lý Văn L (tên gọi khác: S), Bàn Văn M, Đặng Văn C, Hoàng Văn N (tên gọi khác: C), Triệu Văn T, Đặng Văn Th (tên gọi khác: P) cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục, Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo trong thời gian thi hành bản án.

Giao Bị cáo Đặng Văn H (tên gọi khác: L) cho UBND xã M, huyện P, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục, Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo trong thời gian thi hành bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các Bị cáo: Lý Văn L (tên gọi khác: S), Bàn Văn M, Đặng Văn C, Đặng Văn H (tên gọi khác: L), Hoàng Văn N (tên gọi khác: C), Triệu Văn T, Đặng Văn Th (tên gọi khác: P) .

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo: Lý Văn L (tên gọi khác: S), Bàn Văn M, Đặng Văn C, Hoàng Văn N (tên gọi khác: C), Đặng Văn Th (tên gọi khác: P), Triệu Văn T, Đặng Văn H (tên gọi khác: L).

- Áp dụng: Điểm a, b, Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 10.060.000đ (Mười triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) các Bị cáo dùng vào việc đánh bạc (trong đó: 2.980.000đ thu tại chiếu bạc, 250.000đ thu của Bị cáo T, 2.800.000đ thu của Bị cáo Th và 3.030.000đ thu của Bị cáo M).

Tịch thu bán nộp Ngân sách nhà nước các tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại LUMIA màn hình cảm ứng của Đặng Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng của Hoàng Văn N; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29V9 – 1589 của Hoàng Văn N; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26D1 - 169.78 đăng ký tên Đặng Văn H; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19D1 -134.48 đăng ký tên Đặng Văn Th.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bát, 01 đĩa bằng sứ; 03 quân vị làm bằng bương một mặt màu đen, một mặt màu trắng.

Trong quá trình điều tra Kiểm sát viên, các Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các Bị cáo L, M, N, C, T, Th, T đều xin Hội đồng xét xử cho mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Tại phiên tòa hôm nay, các Bị cáo Lý Văn L, Bàn Văn M, Đặng Văn H, Hoàng Văn N, Đặng Văn C, Đặng Văn Th, Triệu Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; thừa nhận Bản cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai của các Bị cáo thống nhất, phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu được cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Như vậy đã xác định được: Từ khoảng 21 giờ ngày 24/12/2017 đến 1 giờ 30 phút ngày 25/12/2017 tại khu vực Bể nước sạch tại xóm U, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ các bị cáo Lý Văn L, Đặng Văn H, Hoàng Văn N, Đặng Văn C, Đặng Văn Th cùng các đối tượng NLQ1, NLQ2 đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Xóc đĩa”; các Bị cáo Bàn Văn M, Triệu Văn T không trực tiếp đánh bạc nhưng cho các Bị cáo khác vay tiền có cầm cố tài sản để đánh bạc. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ đã kiểm tra, thu giữ tại chiếu bạc 2.890.000đ và thu giữ số tiền cùng tài sản các Bị cáo đã dùng đánh bạc gồm: Triệu Văn T 250.000đ, Đặng Văn Th 3.800.000đ, Bàn Văn M 3.030.000đ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại LUMIA của C cầm cố cho Th vay 1.000.000đ; 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO của N đã cầm cố cho T vay 1.000.000đ; 01 chiếc xe mô tô BKS: 26D1 – 169.78 của H đã cầm cố cho T vay 5.000.000đ và cho L mượn để cầm cố cho T vay 5.000.000đ; 01 chiếc xe mô tô BKS: 29V9-1589 của N đã cầm cố cho T vay 2.000.000đ; 01 chiếc xe mô tô BKS: 19D1-134.48 của Th đã cầm cố cho M vay 3.000.000đ.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã xác định số tiền các Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tổng cộng là 17.910.000 đồng. Trong đó: L sử dụng tổng số tiền đánh bạc là 5.060.000 đồng (trong đó 5.000.000 đồng là tiền khi đánh bạc đã mượn xe Mô tô của H để cầm cố cho Triệu Văn T); H đã sử dụng tổng số tiền để đánh bạc là 5.000.000 đồng (là tiền cầm cố xe mô tô của mình cho Triệu Văn T); Th sử dụng tổng số tiền để đánh bạc là 3.340.000 đồng (trong đó có 3.000.000đ cầm cố xe mô tô cho M để vay 3.000.000đ); N sử dụng tổng số tiền để đánh bạc là 3.000.000 đồng (trong đó cầm cố 01 điện thoại OPPO cho T vay 1.000.000đ, cầm cố 01 xe mô tô cho T vay 2.000.000đ); C sử dụng tổng số tiền để đánh bạc là 1.210.000 đồng (trong đó cầm cố 01 điện thoại nokia loại Lumia cho Th vay 1.000.000đ), NLQ1 sử dụng số tiền để đánh bạc là 200.000 đồng, NLQ2 sử dụng số tiền để đánh bạc là 100.000 đồng là không phù hợp bởi lẽ:

Theo hướng dẫn tại mục 3 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì số tiền và hiện vật mà các bị cáo Lý Văn L, Bàn Văn M, Triệu Văn T, Đặng Văn C, Đặng Văn Th, Hoàng Văn N và các đối tượng NLQ1 và NLQ2 đã dùng để đánh bạc bao gồm: Số tiền thu giữ được trực tiếp tại chiếu bạc là 2.980.000đ, thu của Bị cáo M 3.030.000đ (là tiền Bị cáo M đã

cho Bị cáo Th vay để đánh bạc và tiền lãi), thu Bị cáo Th 3.800.000đ (là tiền Th đã dùng để đánh bạc), thu của Bị cáo T 250.000đ (là tiền lãi khi cho Bị cáo H vay để đánh bạc). Tổng cộng là 10.060.000đ.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định được: Số tiền các bị cáo đem theo và đã dùng để đánh bạc là 910.000đ; hiện vật đã được các Bị cáo thống nhất giá trị thành tiền để đánh bạc gồm: Xe mô tô 19D1-13448 đăng ký tên Th, Th đã cầm cố cho M để vay 3.000.000đ để đánh bạc; 01 xe mô tô BKS 26D1-169.78 đăng ký tên H, H đã cầm cố cho T vay 5.000.000đ để đánh bạc, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo của N đã cầm cố cho T vay 1.000.000đ để đánh bạc, 01 xe mô tô BKS 29V9 – 1589 của N cầm cố cho T vay 2.000.000đ để đánh bạc, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia loại Lumia của C cầm cố cho Th vay 1.000.000đ để đánh bạc.

Theo hướng dẫn tại điểm a mục 4 Điều 1 của Nghị quyết nêu trên thì xác định tiền, giá trị hiện vật mà các Bị cáo dùng để đánh bạc là:

Đặng Văn C có số tiền là 210.000đ và hiện vật dùng đánh bạc là 01 chiếc điện thoại Nokia loại Lumia trao đổi giá trị là 1.000.000đ, tổng của C là 1.210.000đ;

Đặng Văn Th có số tiền dùng để đánh bạc là 340.000đ và hiện vật dùng đánh bạc là 01 chiếc xe mô tô BKS 19D1-13448 đăng ký tên Th trao đổi trị giá 3.000.000đ, tổng của Th là 3.340.000đ;

Hoàng Văn N dùng hiện vật là 01 chiếc điện thoại OPPO trao đổi với giá trị 1.000.000đ và 01 xe mô tô BKS 29V9-1589 của N trao đổi với giá trị 2.000.000đ, tổng của N là 3.000.000đ;

Đặng Văn H dùng hiện vật là 01 xe mô tô BKS 26D1-16978 đăng ký tên H trao đổi với giá trị 5.000.000đ;

Lý Văn L có số tiền là 60.000đ, khi mất hết tiền đã mượn chiếc xe mô tô BKS 26D1-16978 của H để cầm cố cho T vay 5.000.000đ. Tuy nhiên số tiền này đã được H sử dụng để đánh bạc, T quay vòng để cho L vay. Tại phiên tòa, T xác định chỉ đem theo 8.000.000đ để cho những người đánh bạc vay khi có nhu cầu và phải cầm cố tài sản. Chiếc xe máy của H đã được H cầm cố để vay 5.000.000đ để đánh bạc sau đó cho L mượn để cầm cố vay 5.000.000đ. Như vậy, vẫn là một tài sản và giá trị không thay đổi.

Các đối tượng NLQ1 có số tiền 200.000đ và NLQ2 có số tiền 100.000đ.

Như vậy, tổng cộng tiền và giá trị hiện vật các Bị cáo dùng để đánh bạc và phải chịu trách nhiệm hình sự là 12.910.000đ. Số tiền thực tế đã thu giữ được và xác định được đã dùng để đánh bạc là 10.660.000đ (trong đó: Thu tại chiếu bạc là 2.980.000đ, thu của bị cáo M 3.030.000đ, thu của Bị cáo Th 3.800.000đ và của bị cáo T 250.000đ.)

Đối với Bàn Văn M và Triệu Văn T, không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã cho các Bị cáo khác cầm cố tài sản lấy tiền để đánh bạc có thu lời. Bị cáo T cho vay với

số tiền 8.000.000đ, đã thu lời 250.000đ. Bị cáo M cho vay với số tiền 3.000.000đ, đã thu lời 30.000đ. Do đó Bị cáo T và Bị cáo M đồng phạm với các Bị cáo khác trong tội “Đánh bạc”.

Các đối tượng NLQ1 và NLQ2 đã tham gia đánh bạc ngày 25/12/2017 tại xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, tại thời điểm NLQ1 và NLQ2 tham gia đánh bạc, tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 4.910.000 đồng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ cho Công an huyện T ra Quyết định xử phạt hành chính đối với NLQ1 và NLQ2 là phù hợp.

Từ các nhận định trên đã đủ cơ sở xác định hành vi của các Bị cáo Lý Văn L, Bàn Văn M, Hoàng Văn N, Đặng Văn C, Đặng Văn Th, Đặng Văn H, Triệu Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Khoản 1 Điều 248 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.”

Tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đ đồng hoặc dưới 5.000.000đ đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

So sánh hai Điều luật của hai Bộ luật thì thấy: Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về định lượng của cấu thành tội phạm là tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc có giá trị từ 5.000.000đ đến dưới 50.000.000đ, mức khởi điểm của giá trị cao hơn cấu thành tội phạm theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 có giá trị từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ đồng. Như vậy Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định có lợi hơn cho người phạm tội.

So sánh về mức hình phạt thấp nhất của hình phạt tù thì Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là ba tháng tù còn Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 là sáu tháng tù và về loại hình phạt thì Khoản 1 Điều 248 có hình phạt tiền còn Khoản 1 Điều 321 không có. Như vậy Khoản 1 Điều 248 quy định có lợi hơn cho các Bị cáo khi quyết định hình phạt.

Do vậy căn cứ vào Điểm b, c Khoản 1, Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử, định tội các Bị cáo theo Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 và áp dụng Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt đối với các Bị cáo.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Vụ án tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã có nhiều người tham gia đánh bạc được thua bằng tiền. Hành vi phạm tội của các Bị cáo là nguy hiểm đã xâm phạm đến trật tự, nếp sống văn minh của xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy cần được đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật để răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về vai trò và nhân thân của các Bị cáo trong vụ án thấy rằng: Các bị cáo đánh bạc nhiều người nhưng chỉ là do tự phát, không chuẩn bị phương tiện và phân công nhau nên không coi là phạm tội có tổ chức. Xong các Bị cáo có vai trò khác nhau:

Bàn Văn M và Triệu Văn T không tham gia đánh bạc xong lại là người cung cấp tiền cho các bị cáo đánh bạc với tổng số tiền là 11.000.000đ để kiếm lời, trong đó của bị cáo T là 8.000.000đ, của bị cáo M là 3.000.000đ. Số tiền các bị cáo đã thu lợi bị cáo M là 30.000đ, Bị cáo T là 250.000đ nên vai trò của T và M là đồng phạm với vai trò giúp sức.

Các bị cáo C, H, N, Th, L cùng thực hiện đánh bạc với vai trò như nhau trong thực hiện tội phạm.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các Bị cáo C, H, N, T, Th có nhân thân tốt thể hiện không có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các Bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo L và Bị cáo M: Tại Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2014/HSST ngày 18/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã xử phạt Lý Văn L 7.000.000đ (bảy triệu đồng), Bàn Văn M 5.000.000đ về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự. Đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các Bị cáo đã được xóa án tích. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các Bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do

đó bị cáo L và bị cáo M được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Các Bị cáo C, H, N, Th, T được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, còn các bị cáo L, M được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có Bị cáo nào phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các Bị cáo đều phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi thường trú rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các Bị cáo khỏi xã hội mà cho các Bị cáo Cải tạo không giam giữ tại địa phương, giao các Bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các Bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian Cải tạo không giam giữ cũng đủ để các Bị cáo lấy đó làm bài học cho bản thân là phù hợp với Khoản 1, 2 Điều 31 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với các Bị cáo C, H, Th, N cần xử phạt từ 09 đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ là phù hợp.

Đối với Bị cáo T cần xử từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ là phù hợp với số tiền Bị cáo đã cung cấp cho các Bị cáo khác để đánh bạc.

Đối với Bị cáo L và Bị cáo M chỉ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần xử phạt với mức cao hơn các Bị cáo khác và mức phạt của Bị cáo L cao hơn Bị cáo M.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì các Bị cáo còn có thể bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5 % đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Nhưng qua xác minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thấy rằng các Bị cáo không có thu nhập gì ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình vì vậy Hội đồng xét xử quyết định miễn khấu trừ thu nhập đối với các Bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự thì các Bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng. Tuy nhiên qua xác minh về tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T thì thấy, gia đình các Bị cáo không có tài sản gì có giá trị. Các Bị cáo không có thu nhập ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các Bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ được tổng số tiền thực tế các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là: 10.060.000 đồng. Trong đó: Tiền thu tại chiếu bạc là 2.980.000 đồng; thu của Triệu Văn T khi bỏ chạy mang theo tiền lãi do cho H vay tiền để đánh bạc mà có là 250.000 đồng; thu của Đặng Văn

Th khi bỏ chạy mang theo 3.800.000 đồng; thu của Bàn Văn M khi về mang theo số tiền đã cho Th vay để đánh bạc và tiền lãi Th đã trả là 3.030.000 đồng. Ngoài ra còn thu giữ được các tài sản là điện thoại và xe mô tô các Bị cáo dùng để cầm cố cho nhau khi vay tiền để đánh bạc gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại LUMIA màn hình cảm ứng (điện thoại của Đặng Văn C); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng (của Hoàng Văn N); 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29V9 - 1589 (của Hoàng Văn N); 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26D1 - 169.78 (thu giữ của Đặng Văn H); 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19D1 -134.48 (thu giữ của Đặng Văn Th) Và các vật chứng gồm: 01 bát, 01 đĩa bằng sứ; 03 trong tổng số 04 quân vị làm bằng bương một mặt màu đen, một mặt màu trắng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Số tiền 10.060.000đ (trong đó 2.980.000đ thu tại chiếu bạc còn lại 250.000đ thu của Bị cáo T, 2.800.000đ thu của Bị cáo Th, 3.030.000đ thu của Bị cáo M số tiền đã được các Bị cáo dùng để đánh bạc) là công cụ, phương tiện phạm tội và là tiền do phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại LUMIA màn hình cảm ứng (điện thoại của Đặng Văn C); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng (của Hoàng Văn N); 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29V9 - 1589 (của Hoàng Văn N); 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26D1 - 169.78 (của Đặng Văn H); 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19D1 -134.48 (của Đặng Văn Th) đều là những tài sản các Bị cáo đem ra để cầm cố cho nhau khi vay tiền để đánh bạc và là công cụ, phương tiện phạm tội có giá trị sử dụng cần tịch thu để bán nộp Ngân sách nhà nước.

01 bát, 01 đĩa bằng sứ; 03 trong tổng số 04 quân vị làm bằng bương một mặt màu đen, một mặt màu trắng là công cụ phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

[5] Về án phí: Các bị cáo L, M, N, T, Th, C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo H thuộc đối tượng hộ nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí nên miễn tiền án phí sơ thẩm cho Bị cáo là phù hợp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, Người có quyền lợi ích liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248, Khoản 1, 2 Điều 31 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Khoản 3 Điều 7, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các Bị cáo Lý Văn L (tên gọi khác: S) và Bàn Văn M.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248, khoản 1, 2 Điều 31 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Khoản 3 Điều 7, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các Bị cáo: Đặng Văn C, Hoàng Văn N (tên gọi khác: C), Đặng Văn Th (tên gọi khác: P), Triệu Văn T, Đặng Văn H (tên gọi khác: L).

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Tuyên bố các Bị cáo: Lý Văn L (tên gọi khác: S), Bàn Văn M, Đặng Văn C, Hoàng Văn N (tên gọi khác: C), Đặng Văn Th (tên gọi khác: P), Triệu Văn T, Đặng Văn H (tên gọi khác: L) phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt Bị cáo Lý Văn L (tên gọi khác: S) 18 (Mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt Bị cáo Bàn Văn M 15 (Mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt Bị cáo Triệu Văn T 12 (Mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt các Bị cáo: Đặng Văn C, Đặng Văn H (tên gọi khác: L), Hoàng Văn N (tên gọi khác: C), Đặng Văn Th (tên gọi khác: P) mỗi Bị cáo 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ và UBND xã M, huyện P, tỉnh Sơn La nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án.

Giao các Bị cáo Lý Văn L (tên gọi khác: S), Bàn Văn M, Đặng Văn C, Hoàng Văn N (tên gọi khác: C), Triệu Văn T, Đặng Văn Th (tên gọi khác: P) cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục, Gia đình các Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo trong thời gian thi hành bản án.

Giao Bị cáo Đặng Văn H (tên gọi khác: L) cho UBND xã M, huyện P, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục, Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thi hành bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các Bị cáo: Lý Văn L (tên gọi khác: S), Bàn Văn M, Đặng Văn C, Đặng Văn H (tên gọi khác: L), Hoàng Văn N (tên gọi khác: C), Triệu Văn T, Đặng Văn Th (tên gọi khác: P) .

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo: Lý Văn L (tên gọi khác: Suôi), Bàn Văn M, Đặng Văn C, Hoàng Văn N (tên gọi khác: C), Đặng Văn Th (tên gọi khác: P), Triệu Văn T, Đặng Văn H (tên gọi khác: L).

3. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 10.060.000đ (Mười triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) các Bị cáo dùng vào việc đánh bạc (trong đó: 2.980.000đ thu tại chiếu bạc, 250.000đ thu của Bị cáo T, 2.800.000đ thu của Bị cáo Th và 3.030.000đ thu của Bị cáo M).

Tịch thu bán nộp Ngân sách nhà nước các tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại LUMIA màn hình cảm ứng của Đặng Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng của Hoàng Văn N; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29V9 – 1589 của Hoàng Văn N; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26D1 - 169.78 đăng ký tên Đặng Văn H(gương bên phải bị vỡ, không có ổ khóa điện); 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19D1 -134.48 đăng ký tên Đặng Văn Th.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bát, 01 đĩa bằng sứ; 03 quân vị làm bằng bương một mặt màu đen, một mặt màu trắng.

Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 17/4/2018.

4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ, khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc các Bị cáo: Lý Văn L, Bàn Văn M, Đặng Văn C, Hoàng Văn N, Triệu Văn T, Đặng Văn Th mỗi Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm .

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho Bị cáo Đặng Văn H.

5. Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- UBND nơi các b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai